Học vần

Bài 2. cà cá

 **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

 **1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:**

 - Nhận biết thanh huyền và dấu huyền, thanh sắc và dấu sắc.

 - Biết đánh vần tiếng có mô hình “âm đầu + âm chính + thanh”: cà, cá

 - Nhìn hình minh họa, phát âm (hoặc được giáo viên hướng dẫn phát âm), tự tìm được tiếng có thanh huyền, thanh sắc.

 - Viết đúng các tiếng cà, cá (trên bảng con)

 **2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

 - Khơi gợi tình yêu thiên nhiên, động vật.

 - Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

 - Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập hoặc tranh ảnh, mẫu vật, vật thật.

 - Bảng cài, bộ thẻ chữ để HS làm BT 5

 - Bảng con, phấn (bút dạ) để HS làm BT6 (tập viết)

 - Vở Bài tập Tiếng Việt 1, tập một .

 **III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**Tiết 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3’** | **1. Khởi động**  |  |
|  | Giáo viên trình chiếu phần khởi động  “ Trò chơi :Ăn khế trả vàng ” yêu cầu HS thực hiện | - HS chơi trò chơi dưới sự điều hành của cô giáo |
|  | + GV cho học sinh nhận xét  |  |
| **30’** | **2. Dạy bài mới**  |  |
| **1’** | **2.1Giới thiệu bài**  |  |
|  | + Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay các em sẽ làm quen với 2 thanh của tiếng Việt là thanh huyền và thanh sắc; học đọc tiếng có thanh huyền, thanh sắc.+ GV ghi chữ cà, nói: cà+ GV ghi chữ cá, nói: cá | - Lắng nghe- 4-5 em, cả lớp : “cà”- Cá nhân, cả lớp : “cá” |
| **15’** | **2.2. Chia sẻ và khám phá** Mục tiêu: - Nhận biết thanh huyền và dấu huyền, thanh sắc và dấu sắc. - Biết đánh vần tiếng có mô hình “âm đầu + âm chính + thanh”: cà, cá |  |
|  | **a. Dạy tiếng cà** |  |
|  | **a.1. Chia sẻ( Bài tập 1: Làm quen)**- GV cho HS xem quả cà tím  | - HS quan sát |
|  | - Đây là quả gì?- GV viết lên bảng tiếng **cà**- GV chỉ tiếng **cà**  | - HS : Đây là quả cà.- HS nhận biết tiếng **cà**- HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: **cà** |
|  | **a.2.Khám phá( Bài tập 2: đánh vần)** |  |
|  | ***\* Phân tích tiếng cà*** |  |
|  | + GV che dấu huyền ở tiếng **cà** rồi hỏi: Ai đọc được tiếng này? | - HS xung phong đọc: **ca** |
|  | - GV chỉ vào chữ **cà,** nói đây là một tiếng mới. So với tiếng ca thì tiếng này có gì khác?- Đó là dấu huyền chỉ thanh huyền- GV đọc : **cà**- GV chỉ tiếng **cà** kết hợp hỏi: Tiếng **cà** gồm có những âm nào? Thanh nào?- GV cho HS nhắc lại | - Cos thêm dấu “gạch ngang” trên đầu- HS cá nhân – cả lớp : **cà**- Tiếng **cà** gồm có âm c và âm a. Âm c đứng trước, âm a đứng sau, dấu huyền đặt trên a.- HS cả lớp nhắc lại |
|  | ***\* Đánh vần tiếng cà***- Hôm trước, các em đã biết cách đánh vần tiếng **ca**: cờ-a-ca. Hôm nay, tiếng ca có thêm dấu huyền, ta đánh vần như thế nào?- Giáo viên hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay:+ Chập hai tay vào nhau để trước mặt, phát âm : ***cà***+ Vừa tách bàn tay trái ra, ngả về bên trái, vừa phát âm: ***ca***+ Vừa tách bàn tay phải ra, ngả về bên phải, vừa phát âm: ***huyền***+ Vừa chập hai bàn tay lại, vừa phát âm: ***cà***.- GV cùng 1 tổ học sinh đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: ***ca-huyền-cà***- Bây giờ chúng ta gộp bước đánh vần tiếng ca với bước đánh vần tiếng cà làm một cho gọn.  | - HS: Ca- huyền- cà- Quan sát và cùng làm với GV- HS làm và phát âm cùng GV- HS làm và phát âm cùng GV- HS làm và phát âm cùng GV- HS làm và phát âm cùng GV- HS làm và phát âm cùng GV theo từng tổ.- Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần: ***ca-huyền-cà***- Cả lớp đánh vần: ***ca-huyền-cà.***- Lắng nghe |
|  | - GV giới thiệu mô hình tiếng **cà**

|  |  |
| --- | --- |
| **cà** | **c-a-ca-huyền-cà** |
| **c** | **à** |

 |  |
|  | - GV chỉ từng kí hiệu trong mô hình, đánh vần tiếng **c-a-ca-huyền-cà** | - HS (cá nhân, tổ, cả lớp) : **c-a-ca-huyền-cà** |
|  | **b. Dạy tiếng cá** |  |
|  | **b.1Chia sẻ( Bài tập 1: Làm quen)**- GV đưa tranh con cá lên bảng.  | - HS quan sát |
|  | - Đây là con gì?- GV viết lên bảng tiếng cá- GV chỉ tiếng cá  | - HS : Đây là con cá- HS nhận biết tiếng **cá** - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: **cá** |
|  | **b.2.Khám phá( Bài tập 2: đánh vần)**\* Phân tích |  |
|  | + GV che dấu huyền ở tiếng cá rồi hỏi: Ai đọc được tiếng này? | - HS xung phong đọc: **ca** |
|  | - GV chỉ vào chữ cá, nói đây là một tiếng mới. So với tiếng ca thì tiếng này có gì khác?- Đó là dấu sắc chỉ thanh sắc- GV đọc : cá- GV chỉ tiếng cà kết hợp hỏi: Tiếng cá gồm có những âm nào? Thanh nào?- GV cho HS nhắc lại- GV: Tiếng cá khác tiếng cà ở thanh gì? | - Có thêm dấu trên đầu- HS cá nhân – cả lớp : **cá**- Tiếng **cá** gồm có âm **c** và âm **a**. Âm **c** đứng trước, âm **a** đứng sau, dấu sắc đặt trên **a**.- HS cả lớp nhắc lại- Tiếng **cá** có thanh sắc, tiếng **cà** có thanh huyền. |
|  | \* Đánh vần.- Hôm trước, các em đã biết cách đánh vần tiếng ca: cờ-a-ca. Hôm nay, tiếng ca có thêm dấu sắc, ta đánh vần như thế nào?- Giáo viên hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay:+ Chập hai tay vào nhau để trước mặt, phát âm : cá+ Vừa tách bàn tay trái ra, ngả về bên trái, vừa phát âm: ca+ Vừa tách bàn tay phải ra, ngả về bên phải, vừa phát âm: sắc+ Vừa chập hai bàn tay lại, vừa phát âm: cá.- GV cùng 1 tổ học sinh đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: ca-sắc-cá- Bây giờ chúng ta gộp bước đánh vần tiếng ca với bước đánh vần tiếng cá làm một cho gọn.  | - HS: Ca- sắc- cá- Quan sát và cùng làm với GV- HS làm và phát âm cùng GV- HS làm và phát âm cùng GV- HS làm và phát âm cùng GV- HS làm và phát âm cùng GV- HS làm và phát âm cùng GV theo từng tổ.- Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần: ca-sắc-cá- Cả lớp đánh vần: ca-sắc-cá. - Lắng nghe |
|  | - GV giới thiệu mô hình tiếng **cá**

|  |  |
| --- | --- |
| **cá** | **c-a-ca-sắc-cá** |
| **c** | **á** |

 |  |
|  | - GV chỉ từng kí hiệu trong mô hình, đánh vần tiếng **c-a-ca-sắc-cá** | - HS (cá nhân, tổ, cả lớp) : **c-a-ca-sắc-cá** |
|  | ***\* Củng cố:*** - Các em vừa học dấu mới là dấu gì?- Các em vừa học các tiếng mới là tiếng gì?- GV chỉ mô hình tiếng **cà, cá** | - Dấu huyền, dấu sắc - Tiếng **cà, cá**- HS đánh vần, đọc trơn : **c-a-ca-huyền-cà, c-a-ca-sắc-cá.** |
| **20’** | **3. Luyện tập**  |  |
|  | **3.1. Mở rộng vốn từ. (BT3: Đố em: Tiếng nào có thanh huyền?)** |  |
|  | a. Xác định yêu cầu.- GV nêu yêu cầu của bài tập : Các em nhìn vào SGK trang 8 (GV giơ sách mở trang 8 cho HS quan sát) rồi nói to tên các con vật, cây, sự vật có thanh huyền; nói nhỏ tên các con vật, cây, sự vật không có thanh huyền. | - Học sinh lắng nghe yêu cầu và mở sách đến trang 8. |
|  | b. Nói tên sự vật- GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời học sinh nói tên từng sự vật.- GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn yêu cầu cả lớp nói tên tên từng sự vật. | - HS lần lượt nói tên từng con vật: cò, bò, nhà, thỏ, nho, gà- HS lần lượt nói một vài vòng |
|  | d. Báo cáo kết quả.- GV cho từng cặp học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi.  | + HS1 chỉ hình 1- HS2 nói to : cò + HS1 chỉ hình 2- HS2 nói to: bò+ HS1 chỉ hình 3- HS2 nói to: nhà+ HS1 chỉ hình 4- HS2 nói nhỏ: thỏ+ HS1 chỉ hình 5- HS2 nói nhỏ: nho+ HS1 chỉ hình 6- HS2 nói to: gà  |
|  | - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả. | - HS báo cáo cá nhân |
|  | - GV cho HS làm bài vào vở Bài tập- GV đố học sinh tìm 3 tiếng có thanh huyền(Hỗ trợ HS bằng hình ảnh) | - HS cả lớp nối hình với âm tương ứng.- HS nói (bà, già, xò,...) |
|  | 3**.2. Mở rộng vốn từ. (BT3: Đố em: Tiếng nào có thanh sắc?)** |  |
|  | a. Xác định yêu cầu.- GV nêu yêu cầu của bài tập : Các em nhìn vào SGK trang 9 (GV giơ sách mở trang 9 cho HS quan sát) rồi vừa nói vừa vỗ tay tên các con vật, cây, sự vật có thanh sắc. | - Học sinh lắng nghe yêu cầu và mở sách đến trang 9. |
|  | b. Nói tên sự vật- GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời học sinh nói tên từng sự vật.- GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn yêu cầu cả lớp nói tên tên từng sự vật. | - HS lần lượt nói tên từng con vật: bé, lá, cú, hổ, bóng, chó- HS lần lượt nói một vài vòng |
|  | d. Báo cáo kết quả.- GV cho từng cặp học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi.       | + HS1 chỉ hình 1- HS2 vỗ tay nói : bé + HS1 chỉ hình 2- HS2 vỗ tay nói: lá+ HS1 chỉ hình 3- HS2 vỗ tay nói: cú+ HS1 chỉ hình 4- HS2 không vỗ tay nói: hổ+ HS1 chỉ hình 5- HS2 vỗ tay nói: bóng+ HS1 chỉ hình 6- HS2 vỗ tay nói: chó |
|  | - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả. | - HS báo cáo cá nhân |
|  | - GV cho HS làm bài vào vở Bài tập- GV đố học sinh tìm 3 tiếng có thanh sắc(Hỗ trợ HS bằng hình ảnh) | - HS cả lớp nối hình với âm tương ứng.- HS nói (cháo, đá, táo,...) |
|  | **3.3. Ghép chữ.** |  |
|  | - GV nêu yêu cầu của bài tập: Tìm chữ và dấu trong bộ chữ, ghép 2 tiếng mới học: cà, cá | - 3-4 HS nhắc lại |
|  | - GV cho HS làm bài cá nhân- GV yêu cầu HS giơ bảng cài- GV kiểm tra | - HS lần lượt ghép tiếng cà, tiếng cá/.- HS giơ bảng sau mỗi lần cài |
|  | - GV nhận xét. |  |
|  | **HẾT TIẾT 1** |
|  | **3.4. Tìm hình ứng với mỗi tiếng (Bài tập 5)** |  |
|  | a. Xác định yêu cầu.- GV nêu yêu cầu của bài tập : GV đưa lên bảng hình minh họa bài 5 và 3 thẻ chữ sắp xếp theo thứ tự bất kì.- GV gọi 1 HS đọc- Bài yêu cầu chúng ta gắn các thẻ chữ cà, cá, ca dưới mỗi hình tương ứng (ở trên bảng) hoặc nối hình với chữ tương ứng (vở BT). | - Học sinh theo dõi.- HS đọc : cà, cá, ca- Theo dõi |
|  | b. Thực hiện yêu cầu.- GV chỉ từng thẻ chữ, mời HS đọc- GV chỉ từng chữ theo thứ tự đảo lộn yêu cầu cả lớp đọc.- GV cho HS làm bài vào vở BT | - HS (cá nhân, tổ, lớp) đọc: cà, cá, ca- HS cả lớp đọc- Làm bài cá nhân |
|  | d. Báo cáo kết quả.- GV gắn lên bảng lớp 2 bộ thẻ chữ và hình ảnh; - Mời 2 HS lên bảng thi gắn nhanh chữ với hình.- GV cho cả lớp đọc lại kết quả | - HS quan sát và lắng nghe cách làm.- 2 HS lên thi gắn chữ với hình+ HS chỉ từng chữ, nói kết quả:Hình 1-ca; Hình 2-cá; Hình 3-cà.- HS đọc 2 lần |
|  | **3.5. Tập viết (Bảng con – BT 6)** |  |
|  | - Cho HS đọc các chữ mẫu cần viết trong bài tập 6 | - HS đọc (cá nhân-tập thể) : cà, cá |
|  | **a. Chuẩn bị.** |  |
|  | - Yêu cầu HS lấy bảng con. GV hướng dẫn học sinh cách lấy bảng, cách đặt bảng con lên bàn, cách cầm phấn khoảng cách mắt đến bảng (25-30cm), cách giơ bảng, lau bảng nhẹ nhàng bằng khăn ẩm để tránh bụi. | - HS lấy bảng, đặt bảng, lấy phấn theo yc của GV |
|  | **b. Làm mẫu** |  |
|  | - Cho HS xem quy trình viết trên sách mềm và HS viết trên khoảng không- GV hướng dẫn cách viết: | - HS viết chữ cà, cá lên khoảng không trước mặt bằng ngón tay trỏ.- HS quan sát |
|  | + Dấu huyền: Nét xiên trái ngắn. Dấu sắc: viết nét xiên phải ngắn. Độ nghiêng của các dấu vừa phải; vị trí hai dấu đề nằm trong khoảng cách giữa ĐK 3 và ĐK 4.  | + Theo dõi viết mẫu |
|  | + Tiếng cà : Viết chữ c (nét cong trái, cao 2 li); sau đó viết chữ a (2 li); đánh dấu huyền (nét xiên trái ngắn) trên chữ a. Chú ý nét nối giữa chữ c và a.  | - HS theo dõi |
|  | + Tiếng cá: viết chữ c trước chữ a sau, dấu sắc (nét xiên phải ngắn) trên chữ a. Chú ý nối giữa chữ c với chữ a.  | - HS theo dõi |
|  | **c. Thực hành viết**GV viết mẫu: **cà, cá** **cà cà**. **cà cà** cc  **cá cá** **cá cá** cc - Cho học sinh viết cà, cá | - -HS quan sát **cà cà**. **cà cà** cc  **cá cá**. **cá cá** cc - HS viết bài cá nhân trên bảng chữ cà, cá từ 2-3 lần. |
|  | **d. Báo cáo kết quả**- GV yêu cầu HS giơ bảng con- GV nhận xét | - HS giơ bảng theo hiệu lệnh.- 3-4 HS viết đúng đẹp giới thiệu bài trước lớp- HS khác nhận xét |
| **2’** | **4.Hoạt động vận dụng** |  |
|  | - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.- GV khuyến khích HS tập viết chữ cà, cá trên bảng con | - Lắng nghe |

**IV.** Điều chỉnh sau bài dạy